

Số: ~~1167~~HD-ĐHTB

Sơn La, ngày ~~02~~ tháng 11 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chế độ trợ cấp xã hội đối với sinh viên năm học 2020 - 2021

1. Căn cứ thực hiện

- Quyết định 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh - sinh viên các trường đào tạo công lập; Thông tư Liên tịch 53/1998/TTLT/BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 25/08/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

- Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập; Thông tư Liên tịch số 13/2002/TTLT/BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập.

- Thông tư số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 03/8/2009 về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Mục I, Phần II của Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

2. Đối tượng hưởng Trợ cấp xã hội

2.1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong danh mục quy định của Nhà nước

- Căn cứ để xác định người dân tộc ít người ở vùng cao là giấy khai sinh bản gốc hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong đó có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người.

- Người dân tộc ít người ở vùng cao và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

2.2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa

- Là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (*sinh viên phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú*).

2.3. Sinh viên là người khuyết tật

- Sinh viên là người khuyết tật theo quy định của Nhà nước là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do khuyết tật (*sinh viên phải xuất trình biên bản giám định y khoa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về hoàn cảnh kinh tế khó khăn*).

2.4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập

- Là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Mức hưởng Trợ cấp xã hội

- Mức 140.000 đ/tháng/sinh viên đối với đối tượng sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Mức 100.000 đ/tháng/sinh viên đối với các đối tượng còn lại.

- Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng/ năm.

4. Phổ biến về chính sách Trợ cấp xã hội đến sinh viên

- Đầu năm Nhà trường tổ chức phổ biến các quy định về chế độ chính sách cho sinh viên, ban hành hướng dẫn, thông báo cho sinh viên chuẩn bị hồ sơ.

5. Thủ tục, quy trình xét, cấp Trợ cấp xã hội

5.1. Thủ tục, hồ sơ

- Hồ sơ đề nghị xét trợ cấp xã hội gồm các loại giấy tờ sau:

Stt	Đối tượng	Loại giấy tờ
1	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (<i>trừ sinh viên đã làm hồ sơ hưởng hỗ trợ chi phí học tập</i>).	- Đơn xin hưởng TCXH (<i>theo mẫu của Trường</i>); - Giấy khai sinh (<i>bản sao công chứng</i>); - Sổ đăng ký hộ khẩu (<i>bản sao công chứng</i>); - Giấy chứng nhận vùng cao hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
2	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	- Đơn xin hưởng TCXH (<i>theo mẫu của Trường</i>); - Giấy khai sinh (<i>bản sao có công chứng</i>); - Giấy chứng tử của cha và mẹ (<i>bản sao có công chứng</i>); - Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của chính quyền địa phương (<i>Trường hợp sinh viên không có giấy chứng tử của cha và mẹ</i>).
3	Sinh viên là người khuyết tật theo quy định của Nhà nước là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do khuyết tật, được Hội đồng y	- Đơn xin hưởng TCXH (<i>theo mẫu của Trường</i>); - Biên bản giám định khả năng lao động do Hội đồng giám định y khoa tỉnh hoặc thành phố cấp (<i>bản sao công chứng</i>); - Giấy giấy xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn do UBND xã, phường, thị trấn chứng nhận (<i>bản sao công</i>

	khoa có thẩm quyền xác định	chúng).
4	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin hưởng TCXH (theo mẫu của Trường); - Giấy khai sinh (bản sao công chứng); - Sổ đăng ký hộ khẩu (bản sao công chứng); - Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã cấp hoặc xác nhận (có ghi rõ số thứ tự trong sổ theo dõi danh sách hộ nghèo); - Có điểm rèn luyện ≥ 65 điểm và điểm trung bình học tập trong kỳ được xét ≥ 2.5 điểm (thang điểm 4).

- Sinh viên nộp đủ thủ tục xin hưởng trợ cấp trong học kỳ nào thì được xét hưởng cấp trợ cấp xã hội từ học kỳ đó, không xét truy lĩnh các kỳ trước.

- Sinh viên thuộc diện dân tộc ít người ở vùng cao hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã được hưởng trợ cấp xã hội của kỳ học trước kề cận, nếu không vi phạm kỷ luật. Nhà trường sẽ tiếp tục quyết định được hưởng trợ cấp xã hội kỳ tiếp theo.

- Sinh viên có gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nộp lại (sổ hộ nghèo, hoặc giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo) vào đầu năm hành chính để được hưởng trợ cấp xã hội kỳ tiếp theo.

- Sinh viên thuộc nhiều đối tượng hưởng trợ cấp xã hội chỉ được xét theo một diện đối tượng có mức hưởng trợ cấp xã hội cao nhất. Sinh viên đang hưởng hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và chế độ ưu đãi theo thông tư 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC thì không được hưởng chế độ trợ cấp xã hội tại trường.

5.2. Quy trình xét Trợ cấp xã hội

- Nhà trường quyết định thành lập Hội đồng xét trợ cấp xã hội cấp Trường theo từng năm học. Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Hiệu trưởng, Thường trực hội đồng là đại diện Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học, các uỷ viên gồm đại diện tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, một số phòng chức năng, đại diện lãnh đạo các khoa. Tổ Giúp việc Hội đồng gồm chuyên viên phòng Công tác chính trị - Quản lý người học và trợ lý các khoa.

- Khoa quyết định thành lập hội đồng xét trợ cấp xã hội cấp khoa theo từng năm học. Chủ tịch là trưởng khoa, phó chủ tịch là phó trưởng khoa, thư ký hội đồng là trợ lý khoa, các thành viên gồm cố vấn học tập, đại diện cán bộ lớp (các thành viên khác khoa có thể lựa chọn thêm).

- Đầu khoá học, sinh viên viết Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu quy định của Nhà trường được gửi theo Thông báo) và các loại giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên nộp cho cán bộ lớp (lớp trưởng hoặc lớp phó) để tổng hợp và nộp lên văn phòng khoa (trợ lý khoa thu nhận). Thời gian làm hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội: Theo thông báo của Nhà trường.

- Hội đồng cấp khoa họp rà soát trợ cấp xã hội cụ thể đối với sinh viên, lập danh sách, biên bản họp xét; hoàn thiện toàn bộ hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội của sinh viên trong khoa (*Biên bản họp (theo mẫu), danh sách (theo mẫu) và hồ sơ của từng sinh viên xin hưởng trợ cấp xã hội theo đúng quy định*) gửi lên bộ phận Thường trực Hội đồng cấp Trường (*Phòng CTCT - QLNH*) rà soát lại. Thời gian gửi hồ sơ xét trợ cấp xã hội: Theo thông báo của Nhà trường.

- Trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ hồ sơ từ các khoa, Thường trực Hội đồng cấp Trường rà soát, kiểm tra hồ sơ của sinh viên, biên bản, tổng hợp và lập danh sách dự kiến hưởng trợ cấp xã hội, chuyển cho các khoa để thông báo cho sinh viên kiểm tra, bổ sung các giấy tờ còn thiếu và trình lên Hội đồng xét trợ cấp xã hội họp xét; trên cơ sở kết quả họp xét trợ cấp xã hội, Hội đồng tham mưu với Hiệu trưởng ban hành Quyết định trợ cấp xã hội đối với sinh viên.

6. Dừng trợ cấp xã hội

- Sinh viên đã được hưởng trợ cấp xã hội nhưng tạm dừng học, bị đình chỉ học tập thì dừng hưởng trợ cấp xã hội, khi trở lại học tập phải làm đơn để xin tiếp tục hưởng trợ cấp xã hội.

- Dừng cấp trợ cấp đối với sinh viên vi phạm nội quy, quy chế bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn Trường trở lên, sinh viên có kết quả rèn luyện xếp loại yếu, kém. Hết thời hạn kỷ luật, sinh viên cần làm đơn xin hưởng lại trợ cấp xã hội theo mẫu do Nhà trường ban hành để được xem xét hưởng kỳ tiếp theo. /.../

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Phòng CTCT-QLNH, TC-KT (để th/h);
- Các khoa;
- Website : Trường, Phòng CTCT-QLNH;
- Lưu TC-HC, CTCT-QLNH (3b).



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Triệu Sơn